TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 380/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/12/2023.
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Thi;

2. Ông Phan Phước Tân.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 304/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 504/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trương P, sinh năm 1981; địa chỉ: tổ B, tuyến dân cư ấp K, xã K, huyện A, An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Lương Tường H – Luật sư Công ty L thuộc đoàn luật sư tỉnh A.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1992; nơi ĐKHKTT: tổ 02, tuyến dân cư ấp K, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa ông P, ông H có mặt; bà D vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo ông Nguyễn Trương P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của ông bà là tự tìm hiểu được cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện A.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông nhận thấy không hợp ý nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã. Mặc dù nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành.

Tháng 9 năm 2022, ông P có nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với bà D tại Tòa án A nhưng được gia đình động viên, bản thân nhận thấy hai con còn nhỏ, vợ chồng cần thời gian nhìn nhận lại tình cảm nên ông tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện.

Tuy nhiên, ông P cho biết thời gian chỉ làm mâu thuẫn vợ chồng ông bà ngày càng trầm trọng, ảnh hưởng đến cả người lớn và gia đình hai bên. Nhận thấy vợ chồng có quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên ông P xin ly hôn với bà D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Trương Quốc T, sinh ngày 25/3/2011 và Nguyễn Trương Quốc A, sinh ngày 03/2/2019, hiện nay con chung đang sống chung với bà D. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn ông P đồng ý cho bà D tiếp tục nuôi và tự nguyện cấp dưỡng cho con chung với mức 10.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi nhận lời khai ngày 26/10/2023 của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Thống nhất lời trình bày của ông P về quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ phía ông P. Ông đi làm nhưng rất ít khi về nhà, ông không gọi điện cho các con, bà có ý kiến thì vợ chồng tranh cãi. Các con nhớ cha nên bà dẫn đến nơi làm việc của ông P để gặp thì ông tỏ thái độ và nộp đơn xin ly hôn. Bà thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn dẫn đến việc ông P nộp đơn xin ly hôn vào năm 2022 nhưng tất cả đều được gia đình hai bên và vợ chồng giải quyết, vợ chồng chỉ mới phát sinh mâu thuẫn khoảng 02 tháng. Nay bà vẫn còn tình cảm với ông P nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà thống nhất với lời trình bày của ông P. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung và yêu cầu ông P cấp

dưỡng hai con chung từ 50 – 70 triệu đồng mỗi tháng cho hai con đến khi các con đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà thống nhất với ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng bà D vắng mặt nên hòa giải không thành. Ông P có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử.

Tòa án không ghi nhận được ý kiến của cháu Nguyễn Trương Quốc T.

Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của ông P và bà D được ông Nguyễn Thanh B – cha ruột ông P cho biết: Ông bà là tự tìm hiểu đi đến hôn nhân, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khi ông P chuyển công tác đến C thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Do ông P và bà D có nhà riêng nên ông cũng không rõ nguyên nhân, do tính chất công việc nên ông P ít khi về nhà, gia đình có hữu sự ông cũng chỉ tranh thủ có mặt chốc lát. Ông P, bà D vẫn hay tranh cãi về việc đó, nhiều lần gia đình đã phân tích để ông bà thông cảm, chia sẻ nhau mà chung tay xây dựng gia đình. Nay ông P nộp đơn xin ly hôn với bà D, ông đã khuyên ngăn, hàn gắn thì nay ông không có ý kiến, để ông bà tự quyết định.

Tại phiên tòa hôm nay,

Ông P trình bày: Ông giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà D và đồng ý cho bà D tiếp tục nuôi hai con chung và cấp dưỡng như đã trình bày ở trên và không trình bày gì thêm.

Luật sư Lương Tường H trình bày quan điểm bảo vệ:

- Về hôn nhân: Chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án và lời khai của bà D cho thấy cuộc sống hôn nhân của ông P và bà D là có mâu thuẫn, được gia đình hai bên hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Nay ông P nộp đơn xin ly hôn là mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P.

- Về con chung: Ông P – bà D thống nhất có hai con chung với họ tên, ngày tháng năm sinh như ông P đã trình bày và hiện nay hai con đang do bà D chăm sóc. Tuy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của cháu Nguyễn Trương Quốc T nhưng ông P, bà D thống nhất về con chung sẽ do bà D tiếp tục nuôi và ông P cấp dưỡng với mức

10.000.000d/tháng/con cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện trên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông P – bà D đã tự thỏa thuận nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, luật sư không trình bày quan điểm bảo vệ về vấn đề này.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung:

- Về hôn nhân: Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng ông P kiên quyết và giữ nguyên ý kiến tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị chấp nhận.

- Về con chung: Tòa án không ghi nhận được ý kiến của cháu T nhưng ông P đồng ý cho bà D tiếp tục nuôi hai con chung, bà D thống nhất vấn đề con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ sự tự thỏa thuận thống nhất của các đương sự là căn cứ giải quyết, giao con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 10.000.000đ/tháng/con cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này của ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông P chung sống với bà D đến năm 2022 thì không còn hạnh phúc nên ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà D hiện có địa chỉ cư trú tại xã K, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trương P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Ông P và bà D là do tự tìm hiểu có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 05/4/2010 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng ông P vẫn cương quyết xin được ly hôn với bà D. Bản thân bà D cũng thừa nhận vợ chồng bà khi chung sống có mâu tuẫn và bà đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng như gặp mặt trực tiếp hay gọi điện, nhờ người lớn hai bên nhưng ông P vẫn kiên quyết không quay về chung sống mà nộp đơn xin ly hôn.

Nguyên nhân ly hôn ông P trình bày là do bà D không chia sẻ với đặc thù công việc phải xa nhà nhiều tháng liền của ông, vợ chồng thiếu sự gắn kết nên xảy ra tranh cãi và không tìm được tiếng nói chung; cũng với mâu thuẫn đó mà ông đã nộp đơn xin ly hôn vào năm 2022 nhưng khi đó nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, gia đình hai bên động viên nên ông rút đơn.

Phía bà D cho rằng hiện nay vợ chồng bà không có mâu thuẫn. Bà thông cảm, chia sẻ công việc của ông P nên chấp nhận đi đến hôn nhân thì đó không phải là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như ông P trình bày. Bà đã dùng nhiều cách để gắn kết tình cảm gia đình nhưng ông P không chấp nhận và xảy ra tranh cãi.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã lắng nghe lời trình bày về mâu thuẫn của ông bà và phân tích nhằm tìm ra giải pháp hàn gắn nhưng P vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu Tòa không hòa giải tình cảm mà tiến hành xét xử vụ án.

Xét thấy mâu thuẫn của ông P và bà D vừa phát sinh vào tháng 08/2023 nhưng đã trầm trọng, thể hiện qua sự kiên quyết ly hôn của ông P dù bà D dùng nhiều cách để hàn gắn mà không có kết quả, gia đình hai bên không có ý kiến, để ông bà tự giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy khả năng ông bà quay lại chung sống hạnh phúc là không thể nên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trương Quốc T, sinh ngày 25/3/2011 và Nguyễn Trương Quốc A, sinh ngày 03/2/2019, hiện do bà D và gia đình cùng chăm sóc.

Xét thấy, từ trước đến nay, hai cháu đều do bà D và gia đình nuôi dạy, chăm sóc, tình cảm mẹ - con gắn bó, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các cháu sau này. Ông P và bà D đã thống nhất bà D sẽ tiếp tục nuôi hai con chung nên Hội đồng xét xử dựa vào sự thống nhất để làm căn cứ giải quyết, giao hai con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với việc bà D yêu cầu yêu cầu ông P cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ.

Tuy nhiên, mức cấp dưỡng nuôi hai con chung mà bà D yêu cầu từ 50 - 70 triệu đồng mỗi tháng là cao, bà không có căn cứ chứng minh cho yêu cầu trên nên Hội đồng xét xử cần xem xét lại.

Tại phiên tòa hôm nay, ông P tự nguyện cấp dưỡng với mức 10.000.000đ/tháng/con cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này của ông P.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà D cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông P và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trương P.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Trương P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc D.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26 ngày 05/4/2010 của Ủy ban nhân dân xã K không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Trương Quốc T, sinh ngày 25/3/2011 và Nguyễn Trương Quốc A, sinh ngày 03/2/2019.

Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Trương P cấp dưỡng 10.000.000đ (Mười triệu đồng) mỗi tháng cho mỗi con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện tháng 12/2023.

Bà D cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Trương P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008501 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Ông P nộp bổ sung 300.000đ.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/12/2023) thời hạn kháng cáo của đương sự được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp- Lưu hs

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thảo Ngân